

Bản án số: 288/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 11 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- **Bị đơn:** Anh Lý Kha L, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Chị Ngô Thị N trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị N chung sống với anh L vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/01/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cùng nhau chăm lo phát triển kinh tế gia đình, sau này kinh tế thu nhập trong gia đình anh L không đưa cho chị N nên chị phải đi làm trực tiếp lo cho con. Đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nhiều, anh L thay đổi tính tình dẫn đến bất đồng quan điểm, anh L nhậu về là vợ chồng cựa cãi, lớn tiếng, đồng thời anh L nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm bên ngoài nên mâu thuẫn càng nhiều, hai bên dùng lời lẽ nặng nề, xúc phạm nhau. Nay chị N xác định không còn tình cảm, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn anh L.

- Về con chung: Có một con chung tên Lý Phong N1, sinh năm 2005, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận phần tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Lý Kha L trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị N trình bày có việc đúng và có việc không đúng. Anh thừa nhận chị N đi làm hơn 10 năm nay kinh tế chị nên chăm lo nhiều hơn anh, do xổ vuông không có thu nhập chứ không phải anh không lo vợ con, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhiều năm nay, khi nóng giận anh cũng có chửi mắng chị N nhưng do trước đây chị N nhắn tin với người khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, thời gian gần đây chị N đi làm lại không về nhà nên anh nghi ngờ chị N có tình cảm bên ngoài. Tuy nhiên hiện tại tình cảm anh vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức ly hôn nên anh L không đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có một con chung tên Lý Phong N1, sinh năm 2005, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận phần tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lý Kha L đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh L kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống chị N và anh L đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu xung quanh vấn đề anh L nghi ngờ chị N có tình cảm bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cự cãi, có dùng lời lẽ xúc phạm nặng lời với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài mà không thể hàn gắn được. Hiện tại, chị N xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cho thấy mâu thuẫn của anh chị quá lớn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên để cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L đều xác định tự thỏa thuận phân tài sản chung và về nợ không có, không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Lý Kha L.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001946 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Trúc

